

**HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC**

Cao Bằng, ngày 17 tháng 5 năm 2017

Cục Cửa khẩu – Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

1. Khái quát chung về hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc

1.1. Khái quát chung

Việt Nam có đường biên giới đất liền dài 4.629 km, trong đó có 234 cửa khẩu, lối mở biên giới, bao gồm: 25 cửa khẩu quốc tế; 21 cửa khẩu chính; 76 cửa khẩu phụ; 112 lối mở biên giới. Hệ thống cửa khẩu là một bộ phận không thể tách rời, nằm trên đường biên giới quốc gia, có vị trí quan trọng về quốc phòng- an ninh, kinh tế và đối ngoại.

Đường biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc dài khoảng 1.449,566 km (1037,15 km biên giới trên đất liền và 383,914 km biên giới theo sông suối), khởi đầu từ điểm ngã ba đường biên giới Việt Nam - Lào - Trung Quốc, kết thúc tại điểm thứ nhất của đường phân định lãnh hải trong vịnh Bắc Bộ. Trên toàn tuyến biên giới có 1971 cột mốc. Đường biên giới đi qua 07 tỉnh của Việt Nam, lần lượt là Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh (có tổng số 34 huyện, thành phố, thị xã và 168 xã, thị trấn biên giới). Địa hình dọc theo đường biên giới chủ yếu là núi cao hiểm trở đi lại khó khăn, mật độ dân cư thưa thớt, mối quan hệ dân tộc, thân tộc hai bên biên giới có từ lâu đời.

Đến nay trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, trong tổng số 22 cửa khẩu được ghi nhận tại Hiệp định cửa khẩu và Quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc ký ngày 18/11/2009, hai Bên đã mở chính thức được 07 cửa khẩu quốc tế (Móng Cái/ Việt Nam - Đông Hưng/ Trung Quốc; Hữu Nghị/ Việt Nam - Hữu Nghị Quan/ Trung Quốc; Đồng Đăng / Việt Nam - Bằng Tường/ Trung Quốc; Lào Cai/ Việt Nam – Hà Khẩu/ Trung Quốc; Kim Thành/ Việt Nam - Bắc Sơn/ Trung Quốc; ga liên vận quốc tế Lào Cai/ Việt Nam - Sơn Yêu/ Trung Quốc; Thanh Thủy/ Việt Nam - Thiên Bảo/ Trung Quốc) và 04 cửa khẩu song phương (cửa khẩu chính: Tà Lùng/ Việt Nam - Thủy Khẩu/ Trung Quốc; Trà Lĩnh/ Việt Nam - Long Bang/ Trung Quốc; Sóc Giang/ Việt Nam - Bình Mãng; Ma Lù Thàng - Kim Thủy Hà/ Trung Quốc). Bên cạnh đó còn có 21 cửa khẩu phụ; 47 lối mở biên giới (theo cách gọi của phía Việt Nam). Hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc cơ bản thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa trao đổi, qua lại giữa hai nước, thúc đẩy hợp tác thương mại qua biên giới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống dân sinh biên giới. Ngoài ra, nhằm thu hút các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài đến hợp

tác đầu tư thúc đẩy kinh tế xã hội tại các khu vực biên giới và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước có chung biên giới, Chính phủ đã quyết định thành lập 11 Khu kinh tế cửa khẩu trên tuyến biên giới Việt Nam- Trung Quốc phát huy tiềm năng, ưu thế địa phương biên giới, tạo động lực quan trọng phát triển kinh tế các tỉnh biên giới, góp phần thay đổi diện mạo khu vực biên giới, cửa khẩu.

Quan hệ hợp tác Việt Nam- Trung Quốc ngày càng củng cố và phát triển thuận lợi. Kim ngạch buôn bán qua biên giới, cửa khẩu không ngừng tăng, nhu cầu thông thương qua lại của các địa phương biên giới ngày càng tăng cao Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện qua lại biên giới, cửa khẩu và phát triển du lịch. Lượng khách Trung Quốc vào Việt Nam tham quan, du lịch ngày càng tăng.

1.2. Hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc

1.2.3. Văn bản pháp lý song phương

- Hiệp ước biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 30/12/1999;

- Hiệp ước xác định giao điểm đường biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 10/10/2006;

- Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ký ngày 18/11/2009;

- Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ký ngày 18/11/2009;

- Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, ký ngày 18/11/2009;

- Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc ký ngày 05/11/2015;

- Hiệp định tàu thuyền đi lại tại khu vực đi lại tự do ở cửa sông Bắc Luân.

1.2.4. Văn bản pháp lý của Việt Nam

- Luật Biên giới quốc gia được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 17/6/2003;

- Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia;

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

- Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

- Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ Quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

2. Phân loại hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2005/NĐ-CP về quy chế cửa khẩu biên giới đất liền; ngày 17 tháng 11 năm 2005, Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 181/TT-BQP hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2005/NĐ-CP. Tiếp đến, để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý cửa khẩu biên giới đất liền trong tình hình mới, ngày 21/11/2014 Chính phủ ban hành Nghị định số 112/2014/NĐ-CP Quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền thay thế Nghị định số 32/2005/NĐ-CP và Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 09/2016/TT-BQP ngày 03/02/2016 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 112/2014/NĐ-CP. Đây là những văn bản pháp quy quan trọng trong việc xây dựng hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền, quy định việc mở, nâng cấp cửa khẩu, xác định phạm vi khu vực cửa khẩu, quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan quản lý Nhà nước tại cửa khẩu làm cơ sở để các ngành chức năng, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 4, Nghị định 112/2014/NĐ-CP quy định cửa khẩu biên giới đất liền được chia thành cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), cửa khẩu phụ và lối mở biên giới:

- Cửa khẩu quốc tế được mở cho người, phương tiện của Việt Nam và nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

- Cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) được mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng có chung cửa khẩu xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

- Cửa khẩu phụ được mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng thuộc tỉnh biên giới hai bên xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

- Lối mở biên giới (đường qua lại chợ biên giới, cặp chợ biên giới; điểm thông quan hàng hóa biên giới; đường qua lại tạm thời) được mở cho cư dân biên giới hai bên, phương tiện, hàng hóa của cư dân biên giới hai bên qua lại và các trường hợp khác nhằm thực hiện chính, sách thương mại biên giới theo

quy định của Thủ tướng Chính phủ; hoặc được mở trong trường hợp bất khả kháng hay yêu cầu đặc biệt của hai bên biên giới.

Hiệp định về cửa khẩu và qui chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam- Trung Quốc ký ngày 18/11/2009 qui định bao gồm 02 loại hình cửa khẩu : Cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu song phương.

- Cửa khẩu quốc tế là cửa khẩu được mở cho người, phương tiện giao thông vận tải, hàng hóa, vật phẩm của hai Bên và nước thứ ba (khu vực) xuất, nhập cảnh qua biên giới.

- Cửa khẩu song phương là cửa khẩu được mở cho người, phương tiện giao thông vận tải, hàng hóa, vật phẩm của hai Bên xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Ngoài ra, Hiệp định về cửa khẩu và qui chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam- Trung Quốc còn quy định loại hình “ đường qua lại tạm thời” do chính quyền cấp tỉnh hai bên thỏa thuận thống nhất mở trong các trường hợp đặc biệt hoặc bất khả kháng, sau khi được sự đồng ý của Chính phủ hai nước.

Thực tế trên tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam- Trung Quốc tồn tại thêm nhiều địa điểm qua lại biên giới là các lối đi truyền thống có từ lâu đời, các đường qua lại giữa các cặp chợ biên giới được chính quyền cấp tỉnh hai bên thỏa thuận mở theo quy định của Hiệp định tạm thời Việt Nam - Trung Quốc 1991 mà Hiệp định về cửa khẩu và qui chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam- Trung Quốc không quy định, điều chỉnh. Trong đó có nhiều địa điểm có lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất nhập rất lớn và có cơ quan quản lý, kiểm soát của hai Bên như Tân Thanh/ Việt Nam - Pò Chài/ Trung Quốc, Cốc Nam/ Việt Nam - Lũng Nhị/ Trung Quốc...

Như vậy, hiện nay đối với hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, theo quy định của Hiệp định về cửa khẩu và qui chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam- Trung Quốc gồm cửa khẩu quốc tế, cửa song phương và đường qua lại tạm thời; theo quy định của văn bản pháp luật trong nước gồm cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (song phương), cửa khẩu phụ và lối mở biên giới. Đối với cửa khẩu quốc tế, cửa song phương, giữa điều ước quốc tế và văn bản nội luật có tính tương đồng về nội hàm; tuy nhiên, đối với các loại hình cửa khẩu, lối mở biên giới còn lại, giữa điều ước quốc tế với văn bản nội luật và thực tiễn chưa đồng nhất về cả tên gọi, tính chất, đối tượng qua lại...dẫn đến phát sinh bất cập trong việc áp dụng các chính sách quản lý, phần nào ảnh hưởng đến hoạt động lưu thông qua lại biên giới, cửa khẩu hai Bên.

3. Thực trạng cơ sở hạ tầng và công tác quy hoạch, xây dựng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc

Những năm qua, các địa phương biên giới đã quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền, như xây dựng nhà kiểm soát liên hợp, cổng cửa khẩu (quốc môn), hình thành phân khu chức năng trong khu vực cửa khẩu như: Khu vực thực hiện thủ tục, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động xuất, nhập của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu (hệ thống Ba-ri-e kiểm soát, Nhà kiểm soát liên hợp, Khu vực cách ly kiểm dịch y tế và xử lý y tế, Khu vực làm thủ tục, kiểm tra, giám sát đối với phương tiện, hàng hóa xuất, nhập, Khu vực kho, bến bãi tập kết hàng chờ xuất khẩu, nhập khẩu; kho trung chuyển hàng hóa, Khu vực đón trả tàu (đối với cửa khẩu đường sắt), cầu cảng, khu vực neo đậu đối với phương tiện thủy đang chờ làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (đối với cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa); khu vực làm việc của cơ quan nhà nước liên quan (nơi làm việc của Ban Quản lý cửa khẩu và các cơ quan: Vận tải, Ngân hàng, Kho bạc và các cơ quan liên quan khác, khu vực dành cho các hoạt động dịch vụ, thương mại, cửa hàng kinh doanh miễn thuế; kinh doanh hàng hóa, siêu thị, trung tâm thương mại, dịch vụ bưu chính, du lịch, khu vực bãi xe, bến đậu, khu phi thuế quan, khu vực dịch vụ, thương mại khác, khu vực cấm và các khu vực khác thuộc phạm vi khu vực cửa khẩu theo quy định của Nghị định 112/2014/NĐ-CP. Điển hình như cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị/ Lạng Sơn, Ma Lò Thành/ Lai Châu.

Tuy nhiên, do hiện nay ta chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, việc mở, nâng cấp cửa khẩu thời gian qua chủ yếu chỉ căn cứ vào điều kiện tự nhiên, khả năng hợp tác và nhu cầu phát triển của từng cặp tỉnh biên giới và có sự lệch pha về nhu cầu trong công tác mở và nâng cấp cửa khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc; nhiều địa phương chưa xây dựng quy hoạch hệ thống cửa khẩu của từng tỉnh; đối với từng cửa khẩu hầu hết chưa có qui hoạch trước, nên tình trạng dân cư sinh sống trong khu vực cửa khẩu nhiều, rất khó khăn cho việc xác định phạm vi khu vực cửa khẩu (nhất là đối với cửa khẩu phụ, lối mở biên giới) và chuẩn hóa các khu chức năng theo quy định.

Một số công trình công cửa khẩu đã có những nghiên cứu tìm tòi tính biểu tượng dân tộc nhưng còn sơ sài, chưa thống nhất, mang tính “tự phát” ở mỗi địa phương (do điều kiện kinh tế, đặc điểm địa hình, đặc thù văn hóa của địa phương và nước đối diện...), khó nhận thấy được những dấu ấn, nét điển hình của văn hóa dân tộc; một số nhà kiểm soát liên hợp tại cửa khẩu đã xây dựng trước, chưa tính toán bố trí các cơ quan chức năng theo qui trình dây chuyền kiểm soát (không phù hợp với qui định tại Điều 14 Nghị định 112/2014/NĐ-CP) nên rất khó điều chỉnh, phát sinh bất hợp lý về công năng sử dụng; tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, nhà kiểm soát liên hợp, quốc môn và nơi làm việc cho còn chậm và thiếu đồng bộ; hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn trong khu vực cửa khẩu chưa theo qui định; trang bị phương tiện đầu tư cho các lực lượng chuyên ngành làm nhiệm

vụ tại cửa khẩu (Biên phòng, Kiểm dịch, Hải quan) chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Mặt khác, một số nhà kiểm soát liên hợp còn bất hợp lý về công năng sử dụng nên việc bố trí dây chuyền kiểm soát của các lực lượng chức năng trong làm thủ tục cho người, phương tiện xuất nhập cảnh và hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu không phù hợp, gây ùn tắc nhất là vào giờ cao điểm khi đến giờ mở cửa khẩu; chất lượng về kiến trúc hệ thống cửa khẩu biên giới của ta hiện nay còn nhiều hạn chế, thiếu thống nhất,

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cửa khẩu đã được từng bước quan tâm, đầu tư; chức trách, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước tại cửa khẩu đã được quy định rõ ràng; công tác kiểm tra, kiểm soát đã được thực hiện trên dây chuyền thống nhất, thủ tục giải quyết lưu thông qua lại cửa khẩu ngày càng thuận lợi thông thoáng, tạo điều kiện cho các hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu gia tăng mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của các địa phương trong cả nước... Tuy nhiên, về tổng thể, cơ sở hạ tầng cửa khẩu biên giới đất liền trên tuyến Việt Nam - Trung Quốc còn nhiều hạn chế, trừ một số cửa khẩu được quy hoạch, đầu tư xây dựng mới tương đối tốt, còn lại hầu hết các cửa khẩu trên tuyến đều chưa được đầu tư đúng mức, cơ sở vật chất của cửa khẩu như: Nhà làm việc, hệ thống bến bãi, kho tàng nhỏ hẹp, trang thiết bị, viễn thông, điện nước thiếu đồng bộ, hệ thống giao thông nhiều tuyến đã xuống cấp...

Nguyên nhân của những tồn tại trên là:

Do đặc điểm đường biên giới đất liền dài, địa bàn rộng, địa hình có nơi rất hiểm trở, đi lại khó khăn, các chính sách hỗ trợ cho tập thể, cá nhân tham gia làm công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị định số 112/2014/NĐ-CP (trước kia là Nghị định 32/2005/NĐ-CP) của Chính phủ cho cán bộ, đồng bào các xã biên giới vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn, bất cập và hạn chế. Do đặc điểm địa lý, địa hình các khu vực cửa khẩu (nhất là hệ thống cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ) thường ở vị trí xa trung tâm, giao thông không thuận lợi, địa hình phức tạp, dân cư sống xen kẽ... khó khăn cho công tác quy hoạch và xây dựng. Điều kiện kinh tế của các địa phương còn khó khăn nên việc bố trí quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu chưa triển khai đồng bộ, đúng tiến độ. Ý thức trách nhiệm của cơ quan chuyên môn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện biên giới trong công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị định số 112/2014/NĐ-CP (trước kia là Nghị định 32/2005/NĐ-CP) của Chính phủ cho quần chúng nhân dân còn chưa thật sâu sát, còn mang tính hình thức. Ý thức về quốc gia, quốc giới và công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia của đồng bào các dân tộc có nơi còn giản đơn, có hạn chế nhất định.

Quá trình xây dựng, phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trên tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc gắn liền và phụ thuộc vào quá trình đàm phán, ổn định đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc; một thời gian dài trước khi Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc ký kết các điều ước về biên giới (Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ký ngày 18/11/2009; Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ký ngày 18/11/2009; Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, ký ngày 18/11/2009) nên hai Bên chưa thống nhất về tên gọi, loại hình, trình tự, thủ tục mở nâng cấp cửa khẩu biên giới. Một số địa phương do phải điều chỉnh qui hoạch khu kinh tế cửa khẩu, chưa triển khai tiến hành phân giới cắm mốc nên Ủy ban nhân dân tỉnh phải xem xét điều chỉnh phạm vi khu vực cửa khẩu nên chưa báo cáo trình Chính phủ quyết định phạm vi khu vực cửa khẩu của tỉnh. Đa số các cửa khẩu phụ nằm trên địa bàn khu vực biên giới vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại khó khăn, điều kiện địa hình tự nhiên phức tạp, có khu vực cửa khẩu nằm xen kẽ trong khu vực dân cư, hoặc nằm ven theo các trục lộ liên huyện, liên tỉnh nên khó khăn trong việc xác định được phạm vi khu vực cửa khẩu và vị trí cắm biển báo.

Công tác tham mưu của các Sở, ngành chức năng của tỉnh cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 112/2014/NĐ-CP (trước kia là Nghị định 32/2005/NĐ-CP) của Chính phủ chưa tích cực, chủ động, còn nhiều hạn chế. Công tác phối hợp giữa các Sở, ban ngành của tỉnh trong việc tổ chức lực lượng đi khảo sát xác định phạm vi khu vực cửa khẩu ở một số địa phương còn thiếu chặt chẽ, chất lượng chưa cao.

Một số địa phương trong quá trình quy hoạch cửa khẩu chưa tính toán đến các yêu cầu bảo đảm thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng nên khi triển khai quy hoạch còn nhiều bất cập tác động không nhỏ trong việc triển khai Nghị định số 112/2014/NĐ-CP (trước kia là Nghị định 32/2005/NĐ-CP) của Chính phủ.

Việc đầu tư kinh phí cho việc tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị định số 112/2014/NĐ-CP (trước kia là Nghị định 32/2005/NĐ-CP) của Chính phủ chưa được cấp ủy, chính quyền địa phương của một số địa phương quan tâm đúng mức nên công tác triển khai thực hiện của một số cơ quan, ban ngành còn chậm, thiếu đồng bộ và có hạn chế nhất định. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức thực hiện khảo sát xác định các cửa khẩu biên giới phải trải qua nhiều khâu, nhiều công đoạn liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành do đó gặp không ít khó khăn trong công tác phối hợp, hiệp đồng. Nhận thức của một số ngành về Nghị định số 112/2014/NĐ-CP (trước kia là Nghị định 32/2005/NĐ-CP) của Chính phủ còn chưa rõ ràng nên vẫn chưa có sự thống nhất cao trong việc bố trí các cơ quan nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông khu vực cửa khẩu, Nhà kiểm soát liên hợp, quốc môn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu.

4. Quy định về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, công tác kiểm soát, hộ chiếu, giấy tờ xuất nhập cảnh và hoạt động của người, phương tiện tại cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc

4.1. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 3 Nghị định 112/2014/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu là các cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ làm thủ tục, kiểm tra, kiểm soát, giám sát đối với người, phương tiện, hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu; bao gồm: Biên phòng; Hải quan; Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật).

4.2 Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu biên giới đất liền (Điều 6 Nghị định 112/2014/NĐ-CP):

4.2.1. Bộ đội Biên phòng cửa khẩu:

- Tham mưu cho Bộ Quốc phòng thực hiện nội dung quản lý nhà nước đối với cửa khẩu biên giới thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện thủ tục biên phòng và công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của người, phương tiện; hoạt động quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; thực hiện công tác đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng;

- Phối hợp kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới; đảm bảo an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại;

- Thực hiện cấp, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thị thực, cấp chứng nhận tạm trú theo quy định pháp luật.

4.2.2. Cơ quan Hải quan cửa khẩu: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa tại cửa khẩu biên giới; phòng, chống hoạt động vận chuyển, buôn bán hàng hóa thuộc danh mục cấm, buôn lậu, gian lận thương mại; thực hiện kiểm tra giám sát hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định của pháp luật.

4.2.3. Cơ quan kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật): Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm dịch, phòng dịch tại cửa khẩu biên giới.

4.3. Dây chuyền kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) (Điều 14 Nghị định 112/2014/NĐ-CP):

4.3.1. Đối với người, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

- Cửa xuất: Hải quan - Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Biên phòng;

- Cửa nhập: Biên phòng - Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Hải quan.

4.3.2. Trong trường hợp có dịch bệnh, dây chuyền kiểm tra, kiểm soát, giám sát đối với người, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bố trí như sau:

- Cửa xuất: Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Hải quan - Biên phòng;

- Cửa nhập: Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Biên phòng - Hải quan.

4.4. Quy định về người, phương tiện được phép ra, vào hoạt động tại cửa khẩu biên giới đất liền

4.4.1. Những người được ra, vào khu vực cửa khẩu:

- Hành khách xuất cảnh, nhập cảnh;

- Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan nhà nước liên quan có trụ sở hoặc văn phòng làm việc trong khu vực cửa khẩu;

- Nhân viên các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu;

- Người điều khiển, người làm việc trên phương tiện chuyên chở hàng hóa, hành khách xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh;

- Chủ hàng, người kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra vào khu vực cửa khẩu thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

- Người đến làm việc với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan liên quan có trụ sở hoặc văn phòng làm việc trong khu vực cửa khẩu;

- Người đến khám, chữa bệnh (trường hợp trong khu vực cửa khẩu có khu vực y tế dành cho khám, chữa bệnh);

- Ngoài những trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản này, những người ra, vào khu vực cửa khẩu với mục đích thăm quan, đón tiễn hoặc mục đích khác phải được phép và chịu sự kiểm tra, kiểm soát, giám sát, hướng dẫn của Đoàn Biên phòng cửa khẩu.

4.4.1.2. Những người được tạm trú trong khu vực cửa khẩu:

- Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan liên quan có trụ sở hoặc văn phòng làm việc trong khu vực cửa khẩu;

- Nhân viên các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu;

- Người Việt Nam, người nước ngoài lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do chưa hoàn thành thủ tục xuất, nhập đối với người, phương tiện, hàng hóa hoặc những người lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do hợp pháp khác, thì phải đăng ký tạm trú và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Trạm Biên phòng cửa khẩu.

4.4.1.3. Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp và phải hoạt động theo đúng lĩnh vực quy định trong giấy phép.

4.4.2. Phương tiện được phép ra, vào, hoạt động, lưu trú tại khu vực cửa khẩu:

- Phương tiện vận chuyển người xuất cảnh, nhập cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa tại các kho, bãi hàng hóa trong khu vực cửa khẩu;

- Phương tiện là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Phương tiện chuyên chở cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức đến làm việc tại cửa khẩu hoặc phương tiện của cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức làm việc tại cửa khẩu;

- Phương tiện của Việt Nam, nước ngoài lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do chưa hoàn thành thủ tục xuất, nhập đối với phương tiện, hàng hóa thì phải đăng ký lưu trú và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Trạm Biên phòng cửa khẩu;

- Phương tiện ra, vào, hoạt động, lưu trú tại khu vực cửa khẩu phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, phù hợp với mục đích hoạt động tại cửa khẩu.

4.4.3. Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hướng dẫn thủ tục, kiểm tra, kiểm soát, giám sát tổ chức, cá nhân, phương tiện của Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại khu vực cửa khẩu theo quy định của Nghị định này, quy định pháp luật liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4.5. Quy định về giấy tờ của người, phương tiện xuất nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc

Căn cứ quy định của các điều ước quốc tế về biên giới, cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc và quy định pháp luật hiện hành về xuất, nhập cảnh, người, phương tiện xuất nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc phải có các loại giấy tờ sau:

4.5.1. Đối với người

4.5.1.2. Công dân Việt Nam

- Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (song phương) phải có một trong các loại giấy tờ sau:

+ Hộ chiếu ngoại giao; Hộ chiếu công vụ; Hộ chiếu phổ thông (gọi chung là hộ chiếu);

+ Hộ chiếu thuyền viên; Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành nhập xuất cảnh; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới; Giấy thông hành hồi hương; Giấy thông hành;

+ Các giấy tờ khác phù hợp để xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu phụ phải có một trong các loại giấy tờ sau:

+ Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành nhập xuất cảnh; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới; Giấy thông hành hồi hương; Giấy thông hành;

+ Các giấy tờ khác phù hợp để xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Cư dân biên giới Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh qua lối mở biên giới sử dụng giấy tờ phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4.5.1.3. Người nước ngoài

- Người nước thứ 3 nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hợp lệ và thị thực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trừ trường hợp được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc do Việt Nam đơn phương miễn thị thực cho công dân quốc gia đó hoặc theo quy định khác của pháp luật Việt Nam về miễn thị thực).

- Công dân Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hợp lệ và thị thực (đối với hộ chiếu phổ thông) hoặc giấy thông hành biên giới (đối với cư dân vùng biên giới Trung Quốc).

- Các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với nước có chung biên giới.

- Công dân tỉnh biên giới, huyện biên giới, cư dân biên giới Trung Quốc nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu phụ phải có một trong các loại giấy tờ sau:

+ Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới

+ Các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với nước có chung biên giới.

- Công dân Trung Quốc xuất, nhập qua lối mở biên giới sử dụng giấy tờ phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với nước có chung biên giới.

4.5.2. Đối với phương tiện

4.5.2.1. Phương tiện xuất nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về vận tải đường bộ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu. phải có các loại giấy tờ sau:

- Giấy đăng ký phương tiện;

- Giấy phép liên vận, giấy phép vận tải;

- Giấy phép vận chuyển hành khách (đối với phương tiện vận chuyển hành khách);

- Giấy tờ về thủ tục hàng hóa (đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa);

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với chủ phương tiện;

- Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4.5.2.2. Người điều khiển phương tiện phải có các loại giấy tờ như đối với người xuất nhập cảnh và Giấy phép điều khiển phương tiện

5. Các trường hợp hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền và thẩm quyền hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền

5.1. Các trường hợp hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền

Việc hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện trong các trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, phòng chống dịch bệnh, lý do đặc biệt khác hoặc theo đề nghị của nước láng giềng.

5.2. Thẩm quyền hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền

- Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu quốc tế theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh không quá 24 giờ và phải báo cáo ngay Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) không quá 06 giờ; tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới không quá 12 giờ và phải báo cáo ngay Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới không quá 06 giờ và phải báo cáo ngay Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện biên giới.

5.3. Thẩm quyền gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền

Trước khi hết thời gian hạn chế hoặc tạm dừng việc qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới, nếu xét thấy cần tiếp tục hạn chế hoặc tạm dừng thì thực hiện như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), thời gian gia hạn không quá 24 giờ;

- Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) không quá 06 giờ, tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, thời gian gia hạn không quá 12 giờ;

- Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, thời gian gia hạn không quá 06 giờ.

6. Lưu lượng xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc năm 2016

- Nhập cảnh: 2.477.989 lượt người/ 78 Quốc tịch.

- Xuất cảnh: 2.532.342 lượt người/82 Quốc tịch.

- Nhập cảnh vùng biên giới: 3.947.765 lượt người/02 Quốc tịch.

- Xuất cảnh vùng biên giới: 4.631.179 lượt người/02 Quốc tịch.

7. Một số giải pháp thực hiện trong thời gian tới

7.1. Dự báo tình hình có liên quan

Những năm tới tình hình thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn, xung đột lợi ích kinh tế, chính trị giữa các quốc gia và hoạt động của tội phạm khủng bố là nguy cơ đe dọa an ninh chung cả thế giới; những nguy cơ bất ổn về an ninh tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế- xã hội, đặc biệt là hoạt động thu hút đầu tư, thương mại và du lịch. Từ đó càng làm gia tăng hoạt động của các loại tội phạm như buôn bán phụ nữ và trẻ em, buôn bán và vận chuyển trái phép các chất ma túy qua biên giới, tiền giả, ngoại tệ, xuất nhập cảnh trái phép; buôn lậu và gian lận thương mại ... với nhiều phương thức thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và biến hóa khó lường.

Tiếp tục thực hiện chủ trương hội nhập với nền kinh tế thế giới, quá trình hợp tác về mọi mặt sẽ phát triển mạnh cả về diện rộng và chiều sâu; Hoạt động lưu thông biên giới ngày càng tăng nhanh. Mặt khác, do nhu cầu giao lưu quốc tế ngày càng cao nên nhu cầu mở và nâng cấp cửa khẩu để tạo điều kiện cho giao lưu quốc tế là tất yếu khách quan, lưu lượng người, phương tiện xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu ngày càng tăng nhanh. Thời gian tới Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục thúc đẩy, triển khai mạnh mẽ

xây dựng các khu hợp tác biên giới (Đồng Đăng/Lạng Sơn- Bằng Tường/Quảng Tây, Móng Cái/Quảng Ninh- Hà Khẩu/Quảng Tây và Kim Thành/Lào Cai- Bắc Sơn/Vân Nam). Đây là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta với chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư trực tiếp bên ngoài, khơi dậy tiềm năng trong nước tạo ra sự phát triển cho các vùng kém phát triển cho từng địa phương để phát triển kinh tế- xã hội. Từ đó đã đặt ra yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao đối với lực lượng Bộ đội Biên phòng trong công tác quản lý, kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trong giai đoạn mới, phải tích cực đổi mới toàn diện và đòi hỏi phải xây dựng và kiện toàn về tổ chức, biên chế quân số, trang bị của lực lượng chuyên trách quản lý, kiểm soát xuất nhập cảnh của Bộ đội Biên phòng theo hướng chính quy, chuyên trách và từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ.

7.2. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền

7.2.1. Phương hướng

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc và các văn bản pháp lý song phương liên quan đến các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân hiểu rõ nội dung cơ bản của Hiệp định và đồng tình ủng hộ Bộ đội Biên phòng trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, quản lý kiểm soát xuất nhập cảnh và đấu tranh phòng chống tội phạm. Đặc biệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng trong triển khai thực hiện Hiệp định. coi việc triển khai thực hiện Hiệp định là nhiệm vụ chính trị thường xuyên.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, hoàn chỉnh quá trình triển khai thực hiện việc mở chính thức, nâng cấp cửa khẩu, qui hoạch xác định phạm vi khu vực cửa khẩu, hoàn thiện các hạng mục công trình, phân khu chức năng theo Nghị định số 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Duy trì thực hiện qui trình, thủ tục, kiểm tra, giám sát tại cửa khẩu biên giới đất liền đảm bảo tuân thủ theo đúng Luật pháp quốc tế, các Hiệp định, Hiệp Nghị đã ký kết, các qui định trong Nghị định số 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống đường giao thông, nhà kiểm soát liên hợp, quốc môn tương xứng với từng loại cửa khẩu đáp ứng nhu cầu giao lưu, hội nhập kinh tế quốc tế.

7.2.2. Nhiệm vụ cụ thể

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; tập trung đẩy nhanh việc sửa đổi, bổ sung Hiệp định về cửa khẩu và quy chế

quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc phù hợp với thực tiễn, tạo thuận lợi cho các hoạt động lưu thông tại cửa khẩu.

- Hoàn thiện Quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trên tuyến Việt Nam - Trung Quốc làm cơ sở để các địa phương xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền từng tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ với phía Trung Quốc trong hoạt động phối hợp quản lý, xây dựng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền hai Bên thông qua việc duy trì, thúc đẩy các cơ chế hợp tác song phương như Ủy ban liên hợp biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Ủy ban hợp tác quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, cơ chế thực hiện Hiệp định khung về hợp tác cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam và Tổng cục hải quan Trung Quốc.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cửa khẩu và trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động lưu thông qua lại biên giới, cửa khẩu.

7.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền

- Làm tốt công tác tuyên truyền Hiệp định về cửa khẩu và qui chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam- Trung Quốc cho các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân hiểu rõ nội dung cơ bản của Hiệp định bằng cách kết hợp tốt giữa giáo dục tập trung với tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tham mưu, báo cáo Chính phủ, Bộ ngành chức năng hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nhà nước về cửa khẩu biên giới đất liền như thống nhất với phía Trung Quốc thực hiện sửa đổi Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc phù hợp với tình hình thực tiễn, làm cơ sở pháp lý song phương xây dựng, phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn khu vực cửa khẩu, duy trì công tác kiểm soát xuất nhập cảnh đảm bảo đúng trình tự thủ tục, nguyên tắc đi đôi với việc tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho người, phương tiện, hàng hóa lưu thông qua biên giới, cửa khẩu.

- Đầu tư trang bị phương tiện phục vụ công tác quản lý, kiểm soát cửa khẩu và xây dựng đội ngũ cán bộ chiến sỹ làm nhiệm vụ tại các cửa khẩu tinh thông nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức trong sáng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

8. Kiến nghị, đề xuất:

8.1. Đề nghị Chính phủ

- Chỉ đạo Bộ Ngoại giao:

+ Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền tuyến Việt Nam – Trung Quốc trên cơ sở quy hoạch có định hướng phát triển đồng bộ, lâu dài, gắn với tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật vào một số vùng, miền, Khu kinh tế cửa khẩu và các cửa khẩu trong khu vực trọng điểm, tránh tràn lan, lãng phí.

+ Sớm triển khai phối hợp với cơ quan chức năng Trung Quốc nghiên cứu, sửa đổi Hiệp định cửa khẩu và Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam- Trung Quốc.

- Chỉ đạo Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới có cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính lập, thẩm định quy hoạch xây dựng khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, trình Chính phủ phê duyệt và nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn thiết kế, xin ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với công trình Quốc môn và Nhà kiểm soát liên hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để thực hiện thống nhất trên toàn quốc;

- Chỉ đạo Bộ Tài chính cân đối ngân sách phân bổ cho Bộ Quốc phòng (Bộ đội Biên phòng) và các địa phương có cửa khẩu biên giới đất liền để tổ chức thực hiện Nghị định 112/2014/NĐ-CP

8.2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh

- Qui hoạch, xây dựng và nâng cấp các cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền đảm bảo cho việc bố trí phân luồng xuất nhập cảnh cho người, phương tiện và hàng hóa xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu lưu thông qua cửa khẩu. Quan tâm chỉ đạo đầu tư xây dựng Quốc môn, nhà kiểm soát liên hợp, cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông khu vực cửa khẩu. Cấm các loại biển báo, biển chỉ dẫn theo qui định của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chỉ đạo các Sở, ban ngành của tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, thống nhất với chính quyền địa phương nước đối diện, báo cáo Chính phủ để tổ chức khai trương, đưa vào hoạt động đối với các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, phụ đã có quyết định mở, nâng cấp cửa khẩu theo quyết định của Chính phủ.

- Hàng năm tỉnh trích nguồn ngân sách của địa phương giành riêng cho việc khảo sát, qui hoạch, xây dựng cửa khẩu, cấm mới và bảo quản sửa chữa hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, các khu vực cụ thể qui định về xuất nhập cảnh đối với người, phương tiện và hàng hóa xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu

tại cửa khẩu và công tác đảm bảo cho các hoạt động quản lý hành chính tại cửa khẩu theo qui định nhằm đảm bảo cho các lực lượng chức năng triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng trong lưu thông biên giới phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và hội nhập kinh tế quốc tế, vừa đảm bảo chủ quyền an ninh biên giới quốc gia./.